|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD:

**BÀI 8: ÔN TẬP CHƯƠNG III**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được mạch kiến thức cơ bản về tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Nhận biết được hình có trục đối xứng, tâm đối xứng.

- Vẽ được tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng dụng cụ học tập.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên, ...).

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: nêu được các đặc điểm của hình chữ nhật, hình thoi, viết được các công thức tính chu vi, diện tích hình chữ nhật và hình thoi.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng được thước thẳng, ê ke, compa để đo độ dài cạnh, kiểm tra góc vuông, vẽ hình chữ nhật, hình thoi.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để nêu được các đặc điểm của hình chữ nhật, hình thoi, hình thành các công thức tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật, hình thoi; vận dụng được các công thức để tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi và giải bài tập một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng có chia đơn vị, ê ke, compa, bảng phụ, máy chiếu, phiếu bài tập.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng có chia đơn vị, ê ke, compa, bảng nhóm, kéo thủ công.

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết 1**:

**1. Hoạt động 1: Mở đầu: (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Hệ thống lại các kiến thức cơ bản của chương hình học trực quan.

**b) Nội dung:**

**-** Quan sát sơ đồ ôn tập cuối chương 3, GV vẽ sẳn hình yêu cầu học sinh nhận dạng, nêu tính chất và công thức tính chu vi, diện tích của các hình.

**c) Sản phẩm:**

* Bốn cạnh bằng nhau.
* Các cạnh đối song song với nhau.
* Các góc đối bằng nhau.
* Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Diện tích: 

Chu vi: 



* Bốn cạnh bằng nhau.
* Bốn góc bằng nhau và bằng 90o.
* Các cạnh đối song song với nhau.
* Các góc đối bằng nhau.

Diện tích: 

Chu vi : 

**HÌNH VUÔNG**

**HÌNH THOI**



* Sáu cạnh bằng nhau.
* Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120o.
* Ba đường chéo chính bằng nhau.

**HÌNH LỤC GIÁC ĐỀU**

`

**HÌNH THANG CÂN**

**MỘT SỐ HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN**

* Bốn cạnh bằng nhau.
* Các cạnh đối song song với nhau.
* Các góc đối bằng nhau.
* Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Diện tích: S = *ab*

Chu vi: C = 4.*m*

**HÌNH BÌNH HÀNH**

**HÌNH CHỮ NHẬT**

* Bốn góc bằng nhau và bằng 90o.
* Các cạnh đối bằng nhau.
* Hai đường chéo bằng nhau.

Diện tích: 

Chu vi: 

* Các cạnh đối bằng nhau.
* Các góc đối bằng nhau.
* Các cạnh đối song song với nhau.

Diện tích: 

Chu vi: 



* Hai cạnh bên bằng nhau.
* Hai đường chéo bằng nhau.
* Hai cạnh đáy song song với nhau.
* Hai góc kề một đáy bằng nhau.

Diện tích: 

* Ba cạnh bằng nhau.
* Ba góc bằng nhau và bằng 60o.

**HÌNH TAM GIÁC ĐỀU**



**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  GV nêu yêu cầu HS hoạt động nhóm quan sát hình vẽnhận dạng, nêu tính chất và công thức tính chu vi, diện tích của các hình bằng sơ đồ tư duy.  - **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm 4 để hệ thống lại kiến thức bằng sơ đồ.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày, trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định 1:** GV chính xác hóa lời giải, đánh giá mức độ hoàn thành, kĩ năng làm việc nhóm của HS.  Từ đó GV chốt lại vấn đề chuyển ý vào bài ôn tập chương 3 | **Câu hỏi 1:**  Quan sát hình vẽnhận dạng, nêu tính chất và công thức tính chu vi, diện tích của các hình bằng sơ đồ tư duy |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi số 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - Hình có trục đối xứng: 1, 2, 3, 4.  - Hình có tâm đối xứng: 3,5 | **Câu hỏi 2 :**  Cho các hình sau đãy:   1. Đoạn thẳng ; 2. Tam giác đều 3. Hình tròn tâm 4. Hình thang cân  (có đáy lớn ): 5. Hình thoi .   Trong các hình nói trên, hình nào:   1. Có trục đốỉ xứng? Chỉ ra trục đốỉ xứng của hình đó. 2. Có tâm đối xứng? Chỉ ra tâm đối xứng của hình đó.   Bài giải  - Hình có trục đối xứng: 1, 2, 3, 4.  - Hình có tâm đối xứng: 3,5 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi số 3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. | **Câu hỏi 3:**  Hãy quan sát xung quanh và chỉ ra những hình;   1. Có trục đốỉ xứng; 2. Có tâm đối xứng; 3. Vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4**  - Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi số 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 4**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. | **Câu hỏi 4:**  Hãy tìm và kể ra một số ứng dung của tính đối xứng trong thực tiến mà em biết. |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập: (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Sử dụng công thức tính diện tích, chu vi các hình để thực hiện phép tính độ dài cạnh của các hình.

**b) Nội dung:**

- Làm bài tập 5 (Tính chu vi và cạnh của các hình).

**c) Sản phẩm:**

- Bài giải bài tập số 5 trang 117- SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu a,b.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 5**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 5**  GV: nhận xét cách trình bày của các cá nhân, chốt kết quả. | **Bài tập số 5 trang 117- SGK.**  a) Một hình thoi có cạnh thì chu vỉ của nó bằng bao nhiêu?  b) Một hình vuông có chu vi là  thì cạnh của nó bằng bao nhiêu?  Bài giải  a) Chu vi của hình thoi là:  b) Cạnh hình vuông là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 6:**  Học sinh hoạt động cặp đôi để trả lời câu c, d.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 6**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 6**  - GV yêu cầu học sinh thống nhất ý kiến và trả lời kết quả của mình.  - Nhóm HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 6**  GV: nhận xét cách trình bày của các cặp nhóm, chốt kết quả. | c) Một hình chữ nhật có chu vi  và chiều rộng là  thì chiều dài của nó bằng bao nhỉêu?  d) Một hình chữ nhật có chu vi  và chiều dài gấp đôi chiều rộng thì mỗỉ canh của nó bằng bao nhiêu?  Bài giải  c) Nửa CV hình chữ nhật là:  Chiều dài hình chữ nhật là:  d) Nửa chu vi hình chữ nhật là:  Tổng số phần bằng nhau: phần.  Chiều dài là:  Chiều rộng là: |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Biết cách xác định chu vi của một số vật dụng có dạng hình chữ nhật bằng cách đo thực tế bằng thước.

**b) Nội dung:**

- Bài tập 6 (đo chu vi mặt bàn và chu vi bìa quyển sách).

**c) Sản phẩm:**

- Bài giải của bài tập 6 – trang 117 SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**



**Giao nhiệm vụ 1**: Đo và xác định chu vi của mặt bàn. Đo và xác định chu vi của quyển sách.

**GV giao nhiệm vụ 2: Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.** (5 phút):

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Ghi nhớ các đặc điểm nhận biết; cách vẽ; công thức tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi.

- Làm bài tập sau: Bài tập 7, 8, 9 – trang 118/SGK.

- Chuẩn bị bài mới: Vẽ sẵn hình 96-trang 117, kéo, keo dán…

**Tiết 2:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Biết tạo ra hình hộp có nắp.

**b) Nội dung:**

**-** Bài tập 1

**c) Sản phẩm:**  Một hình hộp có nắp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập** 1  Gv yêu cầu HS thực hiện các bước theo bài tập 1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1**  HS thực hiện theo yêu cầu của GV.  **\* Báo cáo, thảo luận 1**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. | Bài tập 1 trang 117SGK |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Học sinh hoạt động cá nhân làm trên phiếu học tập để trả lời câu hỏi trắc nghiệm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV yêu cầu học sinh nộp lại phiếu học tập cá nhân.  - Học sinh nộp lại phiếu học tập cá nhân.  **\* Kết luận, nhận định 2**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh.  Câu hỏi 1: chọn đáp án C  Câu hỏi 2: chọn đáp án C  Câu hỏi 3: chọn đáp án C  Câu hỏi 4: chọn đáp án B  Câu hỏi 5: chọn đáp án A  Câu hỏi 6: chọn đáp án C  Câu hỏi 7: chọn đáp án C  Câu hỏi 8: chọn đáp án C  Câu hỏi 9: chọn đáp án A  Câu hỏi 10: chọn đáp án B | Giáo viên chuẩn bị phiếu học tập:  **Câu hỏi trắc nghiệm :**  **Câu hỏi 1:** Trong các hình dưới đây hình nào là hình bình hành    **(A). H.1 (B). H.2 (C). H.3 (D). H.4**  **Câu hỏi 2:** Khẳng định nào sau đây là đúng  Trong hình chữ nhật :  (A). Bốn góc bằng nhau và bằng ;  (B). Hai đường chéo không bằng nhau;  (C) Bốn góc bằng nhau và bằng ;  (D). Hai đường chéo song song với nhau;  **Câu hỏi 3:** Khẳng định nào sau đây là sai  (A). Hai đường chéo của hình vuông là bằng nhau;  (B). Hai góc kề một đáy của hình thang cân thì bằng nhau;  (C) Trong hình thoi, các góc đối không bằng nhau ;  (D). Trong hình chữ nhật hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường;  **Câu hỏi 4:** Hình vuông có cạnh bằng , thì chu vi của nó là:    **Câu hỏi 5:** Trong các câu sau, câu nào sai:  (A). Hình lục giác đều có 6 tâm đối xứng;  (B). Hình tròn có tâm đối xứng là tâm của hình tròn;  (C) Hình thoi có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo ;  (D). Hình vuông có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo;  **Câu hỏi 6:** Hình thang cân có độ dài hai đáy lần lượt làvà  và chiều cao bằng thì diện tích của hình thang cân đó là    **Câu hỏi 7:** Hình thoi có độ dài hai hai đường chéo lần lượt làvà  thì diện tích của hình thoi đó là    **Câu hỏi 8:** Hình chữ nhật có diện tích , độ dài một cạnh là 40m thì chu vi của hình chữ nhật đó là    **Câu hỏi 9:** Hình bình hành có độ dài và chiều cao tương ứng bằng  thì diện tích của hình bình hành đó là    **Câu hỏi 10:** Trong các câu sau, câu nào đúng?  (A). Tam giác đều có 6 trục đối xứng;  (B). Hình chữ nhật với hai kích thước khác nhau có 4 trục đối xứng;  (C) Hình thang cân, góc ở đáy khác , có đúng một trục đối xứng ;  (D). Hình bình hành có hai trục đối xứng; |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi số 3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. | **Câu hỏi 3:**  Hãy quan sát xung quanh và chỉ ra những hình;   1. Có trục đốỉ xứng; 2. Có tâm đối xứng; 3. Vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4**  - Học sinh hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi số 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 4**  - GV yêu cầu học sinh trả lời cá nhân.  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4**  - GV nhận xét và hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh. | **Câu hỏi 4:**  Hãy tìm và kể ra một số ứng dung của tính đối xứng trong thực tiến mà em biết. |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Sử dụng công thức tính diện tích để thực hiện tính diện tích của các hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông, tam giác, hình thang cân,hình bình hành.

.**b) Nội dung:**

- Làm bài tập 7 trang 118- SGK (Tính diện tích của các hình).

**c) Sản phẩm:**

- Bài giải bài tập số 7 trang 118- SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Học sinh hoạt động cá nhân để làm bài tập 7 hình 102  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  - GV yêu cầu học sinh lên bảng trình bày lời giải  - HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2**  GV: nhận xét cách trình bày của các cá nhân , chốt kết quả. | Bài tập số 7 trang 118- SGK  .Quan sát hình 102, hình 103 và tính diện tích của phần tô xanh ở mỗi hình đó  image232  Bài giải  Diện tích hình vuông    Diện tích hình chữ nhật    Diện tích hình thoi    Diện tích hình thang |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  Học sinh hoạt động cặp đôi để làm bài tập 7 hình 103  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  - Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  - GV yêu cầu học sinh thống nhất ý kiến và trình bày kết quả của mình.  - Nhóm HS khác nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3**  GV: nhận xét cách trình bày của các cặp đôi, chốt kết quả. | Bài giải  image233  *Hình 103*  Diện tích hình chữ nhật    Diện tích hình bình hành    Diện tích tam giác |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn, biết vận dụng kiến thức tính độ dài cạnh hình chữ nhật, hình thang khi biết chu vi hoặc diện tích, biết chọn lựa phương án phù hợp với thực tiễn.

**b) Nội dung:** Làm bài tập 8,9 SGK trang 118.

**c) Sản phẩm:** Kết quả bài tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **GV giao nhiệm vụ học tập 4**  - Yêu cầu học sinh làm bài tập 8  **HS Thực hiện nhiệm vụ 4**  - Hs hoạt động nhóm làm bài tập 8  **Báo cáo thảo luận 4**  - Yêu cầu các nhóm treo kết quả bài tập 8 tại góc học tập của nhóm để cả lớp cùng theo dõi.  - HS khác nhận xét.  **Kết luận, nhận định 4**  GV: nhận xét cách trình bày của các nhóm, chốt kết quả. | **Bài tập 8: (SGK- T118)**  *Giải :*  a) Diện tích hình chữ nhật là :  b) Diện tích vườn hoa là:  c) Diện tích con đường là:    Diện tích viên gạch    Số viên gạch cần dùng để lát đường đi là:  (viên gạch)  d) Chiều dài hàng rào là: |
| **GV giao nhiệm vụ học tập 5**  - Yêu cầu học sinh làm bài tập 9  **HS Thực hiện nhiệm vụ 5**  - HS hoạt động nhóm đôi làm bài tập 9  **Báo cáo thảo luận 5**  - Gv yêu cầu 2 HS đứng tại chỗ báo cáo kết quả bài tập 9  - HS khác nhận xét.  **Kết luận, nhận định 5**  GV: nhận xét cách trình bày của các nhóm, chốt kết quả. | **Bài tập 9: (SGK- T118)**  Độ dài cạnh hình vuông là:    Diện tích hình vuông là:    Diện tích của một hình thang là: |

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (5 phút):

- Ghi nhớ các các kiến thức đã ôn tập của chương 3, ôn lại các bài tập đã làm trên lớp.

- Làm bài tập trong SBT.

- Chuẩn bị bài mới.